

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm vào cuối phiên trước áp lực chốt lời gia tăng sau khi đại diện UBCKNN lưu ý CTCK cũng như nhà đầu tư cần trọng khi sử dụng margin với quy mô thị trường và tỷ lệ margin như hiện tại

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VHC, BSR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Sau khi chốt lời quay vòng 1 phần danh mục, NĐT cần tiếp tục hạ tỷ trọng xuống mức thấp nếu thị trường xuất hiện phiên phân phối lớn như đã đề cập

30/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,408.55	-0.11
VN30	1,529.00	-0.06
HĐTL VN30F1M	1,529.20	-0.31
HNXIndex	323.32	-0.15
HNX30	508.17	-0.42
UPCoM	90.25	-0.06
USD/VND	23,020	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.06	+12
Dầu (WTI, \$)	72.85	-0.18
Vàng (LME, \$)	1,756.30	-0.28



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,408.55 (-0.11%)
KLGD (triệu CP) 594.9 (-0.4%)
GTGD (triệu U\$) 914.7 (-1.2%)

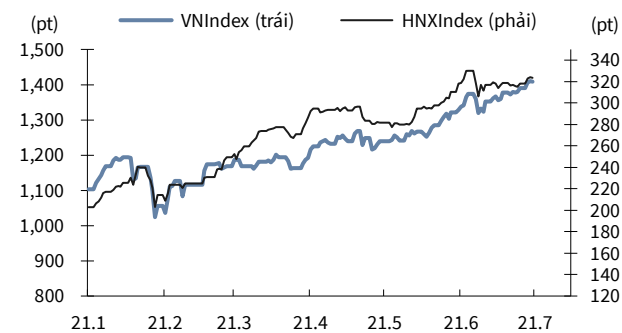
HNXIndex 323.32 (-0.15%)
KLGD (triệu CP) 103.1 (-22.8%)
GTGD (triệu U\$) 99.9 (-26.5%)

UPCoM 90.25 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 59.0 (-29.0%)
GTGD (triệu U\$) 41.9 (-26.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +76.3

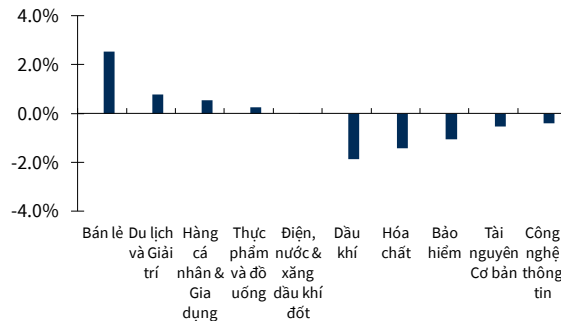
TTCK giảm điểm vào cuối phiên trước áp lực chốt lời gia tăng sau khi đại diện UBCKNN lưu ý CTCK cũng như nhà đầu tư cần trọng khi sử dụng margin với quy mô thị trường và tỷ lệ margin như hiện tại. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu gỗ quý II đạt 4.34 tỷ USD tăng 78.6% YoY và Bộ Công Thương dự kiến kim ngạch xuất khẩu gỗ cả năm ước đạt khoảng 15-16 tỷ USD vượt mục tiêu đặt ra đầu năm là 14,5 tỷ USD, giúp giá cổ phiếu ngành gỗ tăng ở GTA (2.1%), PTB (+1.1%), GDT (+0.7%). Việt Nam nhập khẩu gạo từ Ấn Độ tăng đột biến trong khi nguồn cung gạo trong nước vẫn đáp ứng đủ nhu cầu khiến Bộ Công Thương phải vào cuộc kiểm tra 5 doanh nghiệp trong đó có Tập đoàn Lộc Trời khiến giá cổ phiếu công ty giảm LTG (-0.8%). Cổ phiếu Vĩnh Hoàn VHC (+0.1%) tăng giá trước thông tin Bộ Thương mại Mỹ (DOC) chính thức công bố kết quả cuối cùng đột rà soát POR16 trên lô hàng cá tra Việt Nam nhập khẩu vào thị trường Mỹ từ ngày 1/8/2018 đến ngày 31/7/2019, trong đó, Thủy sản Vĩnh Hoàn được áp dụng mức thuế chống bán phá giá 0 USD/kg. Khối ngoại mua ròng ở NVL (+0%), VHM (-0.51%), VCB (+2.1%).

VNIndex & HNXIndex



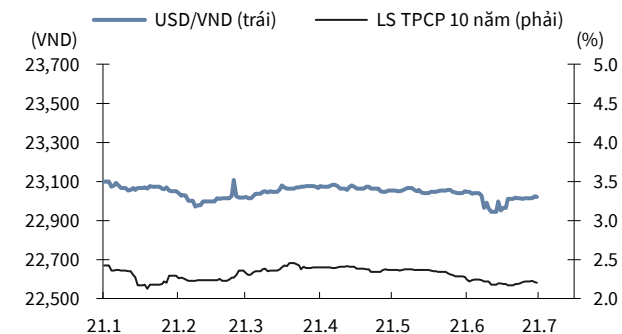
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



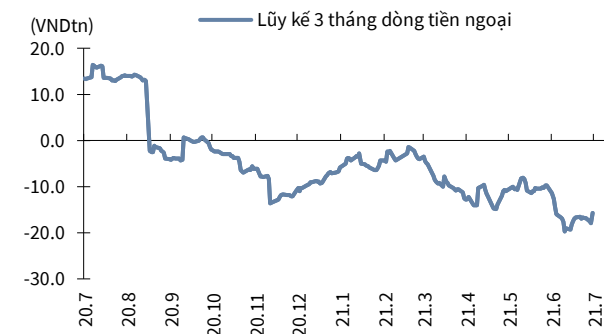
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

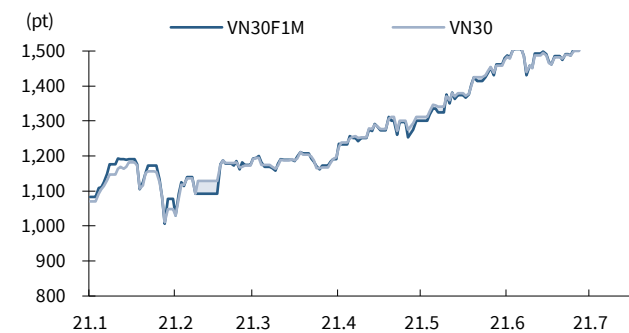
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,529.00 (-0.06%)
VN30F1M 1,529.2 (-0.31%)
Mở cửa 1,534.1
Cao nhất 1,542.9
Thấp nhất 1,528.0

HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 4.0, sau đó giằng co mạnh trong phiên sáng và tăng lên mức cao nhất trong ngày vào đầu phiên chiều, giảm dần vào cuối phiên đóng cửa ở mức 0.2. NĐTNN giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường ở mức trung bình.

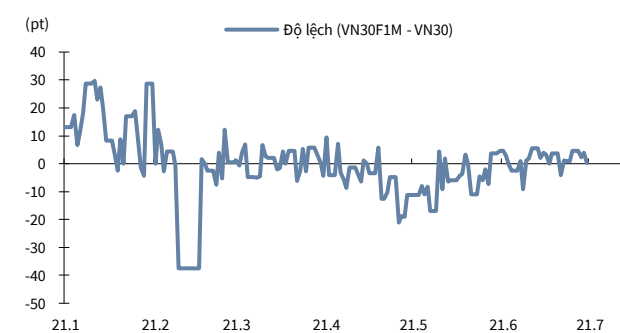
KLGD (HĐ) 166,447 (-0.8%)

HĐTL VN30F1M & VN30



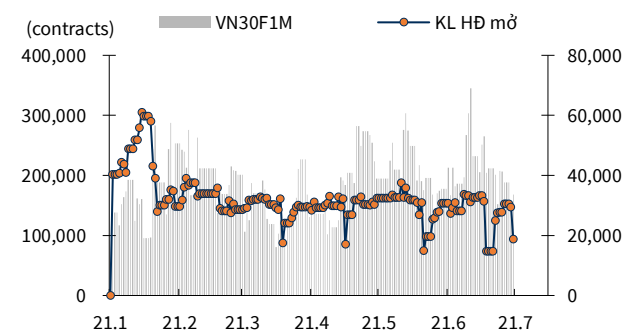
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



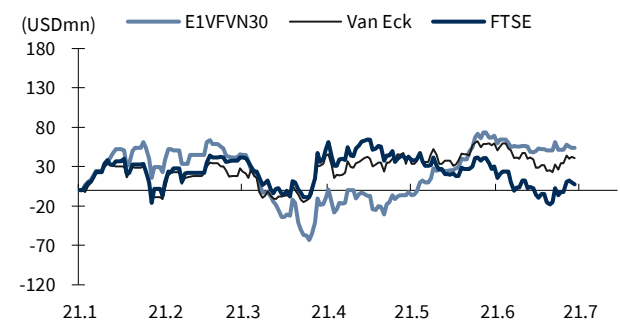
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

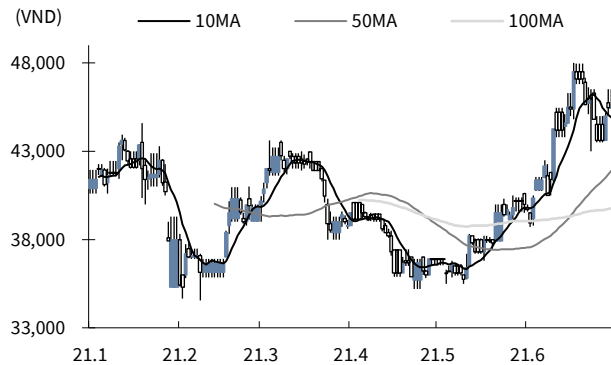
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

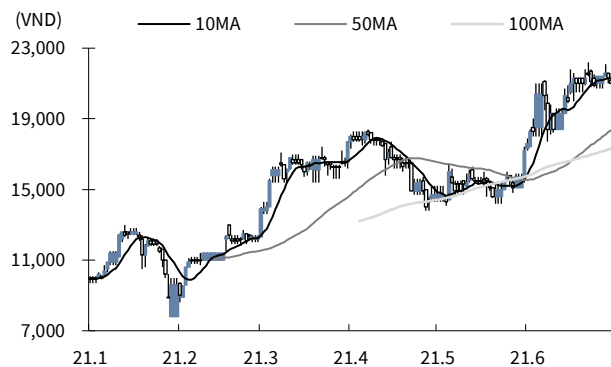
Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 0.1% lên 45,500 VNĐ/cp.
- Ngày 28/6/2021, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) chính thức công bố kết quả cuối cùng đợt rà soát POR16 trên lô hàng cá tra Việt Nam nhập khẩu vào thị trường Mỹ từ ngày 1/8/2018 đến ngày 31/7/2019. Theo đó, Thủy sản Vĩnh Hoàn được áp dụng mức thuế chống bán phá giá 0 USD/kg khi bán cá tra sang thị trường Mỹ.
- Tháng 5, kim ngạch xuất khẩu của VHC sang Mỹ ghi nhận mức tăng mạnh nhất đạt 188% YoY.

Hoà dầu Bình Sơn (BSR)



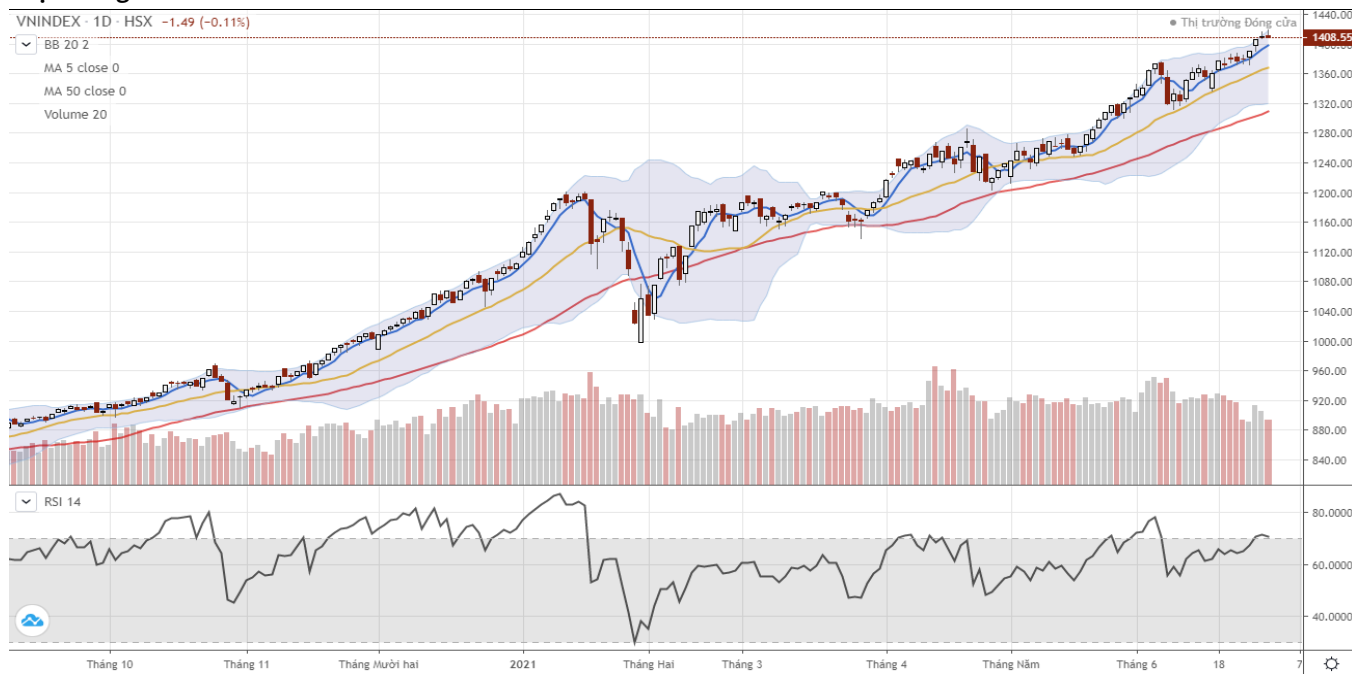
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm -0.9% xuống 21,000 VNĐ/cp.
- BSR ước tính 6 tháng đầu năm 2021 lợi nhuận sau thuế đạt trên 3,000 tỷ đồng, tăng so với mức -4,224 tỷ đồng cùng kỳ và doanh thu đạt 49,483 tỷ đồng (+56% YoY).
- Trong kỳ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã vận hành với 105% công suất, khối lượng dầu tiêu thụ đạt 3.45 triệu tấn.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

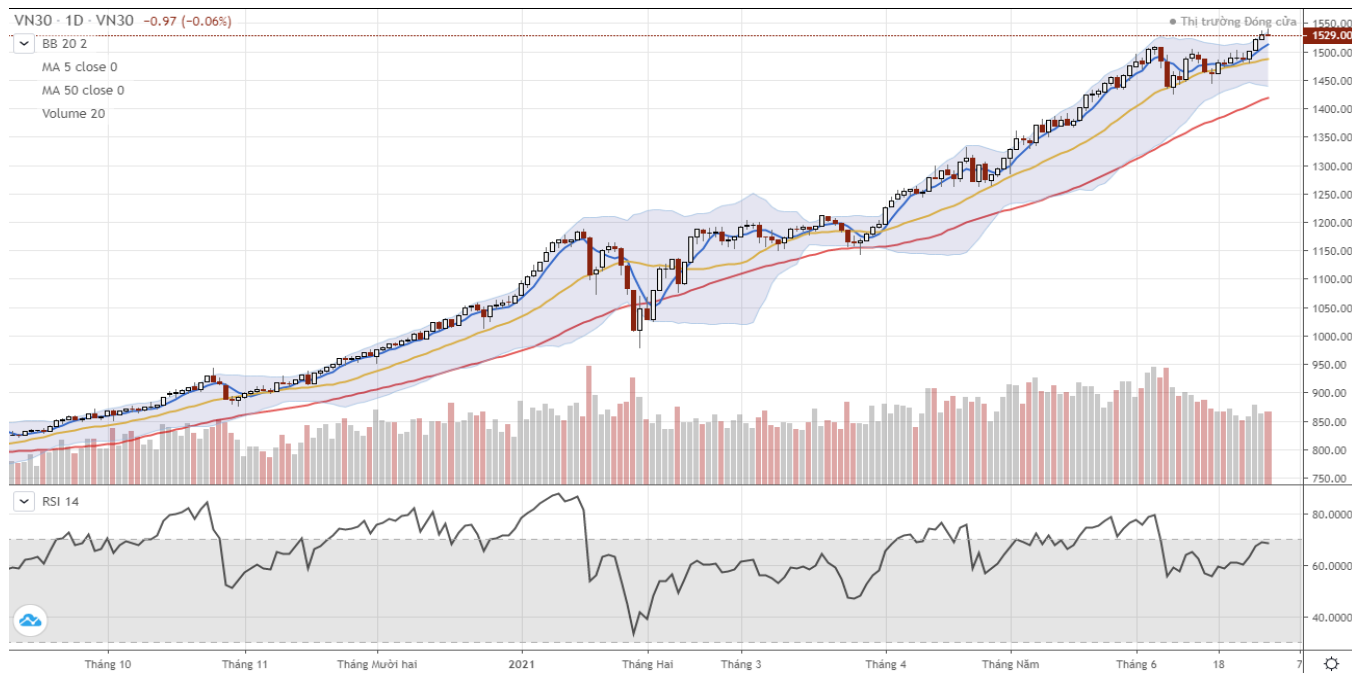
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



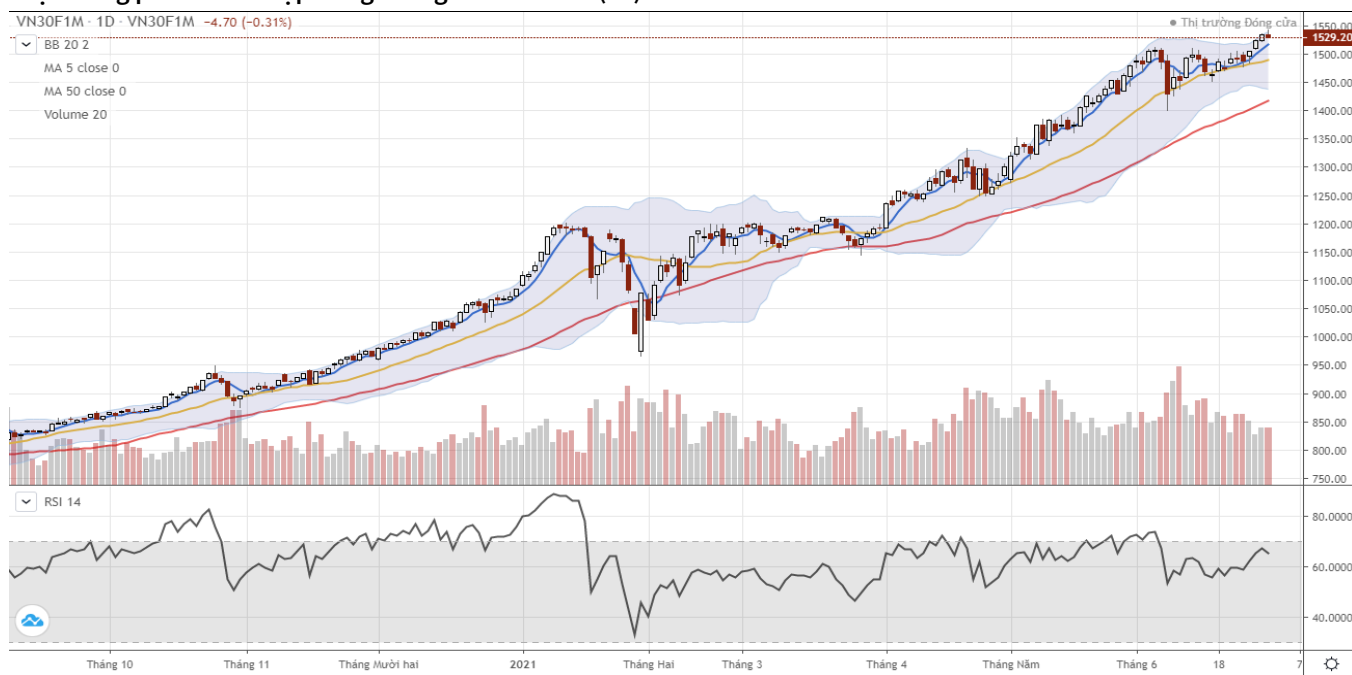
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở rộng đà tăng trong phiên sáng trước khi đảo chiều sụt giảm về cuối phiên.
- Sau khi chỉ số vượt đỉnh, với xung lực tăng điểm đang có dấu hiệu suy yếu đi kèm sự sụt giảm của khối lượng giao dịch, chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng và lưu ý rủi ro thị trường sẽ bước vào nhịp điều chỉnh nếu có thêm 1 phiên phân phối (giảm mạnh về cuối phiên với khối lượng lớn) xác nhận.
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Sau khi chốt lời quay vòng 1 phần danh mục, NĐT cần tiếp tục hạ tỷ trọng xuống mức thấp nếu thị trường xuất hiện phiên phân phối lớn như đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1538 - 1541

Kháng cự gần: 1534 - 1536

Hỗ trợ gần: 1521 - 1524

Hỗ trợ xa: 1507 - 1512

- F1 mở rộng đà tăng trong phiên sáng trước khi đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Với xung lực đi lên đang có phần suy yếu của chỉ số trong khi thanh khoản không mấy tích cực, rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn sẽ tăng cao nếu xuất hiện thêm 1 phiên phân phối (giảm mạnh về cuối phiên với khối lượng lớn) xác nhận.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, nhưng chuyển sang ưu tiên SHORT, nếu chỉ số đánh mất hỗ trợ gần.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đóng vị thế còn lại nếu xuất hiện phiên phân phối, đánh mất vùng hỗ trợ gần trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

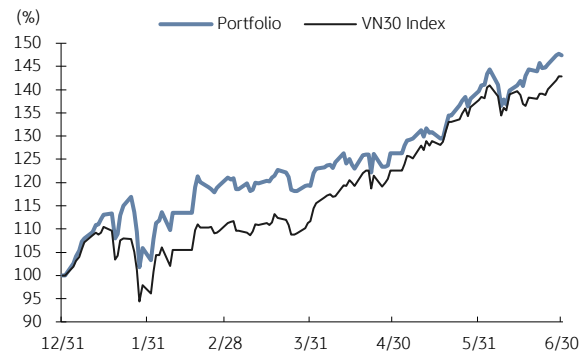
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.06%	-0.18%
Tăng lũy kế (YTD)	42.79%	47.47%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	152,000	3.4%	26.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,000	0.5%	58.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	100,100	1.5%	28.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	43,350	-0.2%	155.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,700	0.0%	69.7%	- Mảng cho thuê vẫn phòng ngừa lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	88,000	-0.7%	204.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	52,700	-2.2%	120.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,000	0.0%	26.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,500	-0.6%	257.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	38,400	-3.5%	190.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	0.0%	22.8%	1,507.0
VHM	-0.5%	54.8%	216.3
VCB	2.1%	23.5%	133.1
FUEVFNVD	-0.2%	12.2%	86.2
BID	0.8%	26.4%	58.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	1.2%	15.5%	-273.9
MBB	-0.2%	25.1%	-57.3
VRE	0.2%	14.1%	-29.1
MSB	-0.3%	7.6%	-28.6
CTG	-2.2%	13.6%	-25.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	1.4%	49.0%	5.1
SHB	0.7%	0.5%	1.4
TVB	-1.3%	0.8%	0.9
PVI	-1.7%	3.8%	0.6
MAS	0.0%	1.1%	0.5
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-1.8%	18.5%	-10.6
BVS	-2.0%	34.6%	-1.0
PAN	-2.9%	8.7%	-0.8
PVS	-3.4%	0.1%	-0.8
VCS	-0.5%	7.9%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Bán lẻ	4.8%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	4.8%	SSI, HCM
Du lịch và Giải trí	3.7%	VJC, HVN
Hóa chất	3.6%	GVR, DPM
Bất động sản	3.6%	VHM, NVL
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Dầu khí	-3.4%	PLX, PVD
Truyền thông	-1.2%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-0.9%	TCH, HAX
Xây dựng và Vật Liệu	-0.6%	HBC, HT1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.5%	APH, GEX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Dịch vụ tài chính	20.3%	SSI, VND
Hóa chất	18.8%	GVR, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.4%	GAS, BWE
Bất động sản	9.0%	VHM, NVL
Du lịch và Giải trí	8.9%	VJC, HVN
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Truyền thông	-1.8%	ADG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	-1.1%	HPG, SHI
Ô tô và phụ tùng	-0.2%	SVC, TCH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.9%	APH, LGC
Dầu khí	2.3%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	259,366 (11.3)	22.5	85.9	54.2	14.7	7.7	9.0	4.4	3.9	0.8	1.8	1.3	10.0
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	489,315 (21.3)	26.6	12.7	11.4	35.9	31.3	27.3	3.4	2.7	-0.5	6.0	15.0	31.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	182,056 (7.9)	17.8	25.8	21.0	-7.6	8.8	10.1	2.3	2.1	0.2	0.8	8.0	1.1
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	286,514 (12.5)	31.3	32.8	35.9	6.7	16.2	13.0	5.2	5.0	0.0	8.0	22.0	151.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	113,784 (4.9)	11.6	19.4	14.4	18.0	14.2	17.0	2.5	2.2	0.1	1.9	4.7	41.0
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	318,981 (13.9)	13.9	9.4	8.5	-	19.1	18.2	1.6	1.4	-0.2	1.3	-	50.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	247,926 (10.8)	6.3	19.0	15.8	11.7	22.1	21.7	3.7	3.1	2.1	6.1	18.1	18.9
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	204,378 (8.9)	12.7	20.1	14.7	-5.3	12.0	14.6	2.1	1.8	0.7	4.1	-3.0	-1.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	918,368 (39.9)	0.0	11.4	9.7	14.3	19.8	19.2	2.0	1.7	-1.5	3.1	-1.9	67.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	880,099 (38.3)	1.4	12.1	10.0	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	-2.2	0.0	-0.8	52.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,243,888 (97.5)	0.0	12.0	11.4	18.8	21.6	18.5	2.2	1.8	1.2	-1.9	-2.2	108.3
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	994,206 (43.2)	0.0	11.0	9.4	14.6	21.2	20.7	2.1	1.7	-0.2	3.5	14.1	90.2
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	182,118 (7.9)	4.2	10.3	8.6	23.3	21.3	20.2	1.9	1.6	-1.1	3.6	5.0	49.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	935,694 (40.7)	14.0	26.3	18.0	26.5	8.8	11.0	1.8	1.6	-1.3	2.9	-9.5	81.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	165,726 (7.2)	0.0	8.6	7.3	37.5	23.0	21.4	1.8	1.4	-1.5	2.8	-1.9	37.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	23,717 (1.0)	0.2	43.8	23.8	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	-0.7	3.4	-7.6	57.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	81,932 (3.6)	21.0	25.3	22.4	15.2	8.4	9.0	2.1	1.9	-1.2	-0.7	7.9	-11.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	24,851 (1.1)	14.2	17.3	13.6	9.1	9.7	11.7	1.5	1.3	-0.4	-2.1	2.1	20.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	728,325 (31.7)	55.4	22.6	17.6	-3.2	14.3	16.2	-	-	0.7	10.2	23.9	66.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	231,835 (10.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.5	0.4	31.3	79.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	284,053 (12.3)	52.4	24.4	-	-19.0	17.1	-	3.4	-	1.4	10.8	30.2	62.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	339,784 (14.8)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.8	3.5	42.7	136.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	316,706 (13.8)	42.1	18.4	17.3	4.0	33.9	34.5	5.7	5.4	-0.7	0.4	-0.1	-16.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,876 (1.4)	36.9	22.1	19.1	7.3	23.2	23.6	4.6	4.2	-0.3	-0.6	8.7	-13.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	148,835 (6.5)	16.5	48.7	27.7	-51.9	12.9	17.9	6.4	5.1	2.7	4.3	1.2	25.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	158,544 (6.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-2.7	2.9	-25.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,530 (2.9)	11.0	162.0	24.8	-88.5	3.8	16.6	3.6	2.9	1.3	5.6	10.5	-2.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	109,280 (4.8)	10.8	25.8	18.7	-57.0	8.7	11.6	2.0	1.9	0.0	0.4	16.1	31.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	56,198 (2.4)	38.4	15.0	9.0	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	-0.3	-2.6	-3.8	-10.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	117,585 (5.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.3	-3.4	0.3	158.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	136,355 (5.9)	37.7	10.0	15.0	-12.7	9.1	14.9	-	-	-0.5	-2.0	3.9	22.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	27,379 (1.2)	3.6	14.6	13.0	-52.4	4.0	4.4	0.6	0.5	-0.3	-1.1	4.4	-16.7
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	39,335 (1.7)	0.0	9.8	8.0	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.2	0.0	1.4	-0.9	17.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	108,221 (4.7)	46.1	17.8	16.3	-17.5	19.9	20.2	3.4	3.1	0.0	-1.0	12.6	7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,248 (0.4)	31.4	13.5	8.7	-10.5	10.5	16.3	-	-	-0.2	-1.9	7.3	-16.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,816 (0.3)	34.1	10.1	10.1	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.3	0.0	0.6	7.5	2.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,568,047 (68.1)	18.0	8.6	8.0	21.9	38.9	28.5	2.6	1.9	-0.6	0.2	-2.3	67.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	56,766 (2.5)	36.5	13.3	15.0	-0.5	9.3	7.8	1.1	1.1	3.9	6.0	25.9	26.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	85,686 (3.7)	46.5	20.4	19.8	-4.5	9.3	9.0	1.8	-	1.7	4.2	25.0	50.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	479,869 (20.9)	38.9	6.6	8.5	67.9	40.8	23.3	2.2	1.7	-0.2	1.8	5.0	108.1
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	221,986 (9.7)	97.2	12.5	13.5	17.2	10.5	11.0	1.2	1.2	-4.9	2.6	27.9	35.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	227,301 (9.9)	4.6	20.2	16.7	-51.0	15.7	16.7	2.8	2.7	-2.5	-3.0	0.4	0.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	267,128 (11.6)	39.9	48.2	20.2	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.6	-0.7	-6.2	0.9	35.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	128,276 (5.6)	35.9	9.8	9.2	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	-0.5	-2.8	16.3	50.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	104,172 (4.5)	0.0	14.0	11.6	13.7	26.7	27.0	3.6	2.9	3.4	5.6	9.7	27.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	36,798 (1.6)	0.0	17.1	13.5	2.4	24.1	23.8	3.7	3.0	1.5	1.3	-0.8	23.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,883 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	-3.3	0.5	-55.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	30,816 (1.3)	30.3	20.3	14.2	-75.2	8.5	11.8	1.7	1.6	-1.5	-0.4	8.8	-15.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	50,640 (2.2)	34.6	8.9	12.6	41.2	26.2	19.9	2.2	2.3	-1.0	-0.2	4.0	-10.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,119 (0.1)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	0.3	0.0	1.6	-8.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	257 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	7.0	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	228,120 (9.9)	0.0	20.0	16.4	15.6	25.6	26.4	4.4	3.9	-0.7	3.7	3.4	71.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nằm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.